

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/DS-ST
Ngày 21 – 9 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Th H, sinh năm 1962 và bà Trần Mỹ Th, sinh năm 1968; Cùng cư trú tại: Ấp H An, xã Nguyễn Huân, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Th L, sinh năm 1940 và anh Trần Hoàng D, sinh năm 1985; Cùng cư trú tại: Ấp Tân Thành, xã Nguyễn Huân, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NHNN V PTNT – chi nhánh huyện Đ D; Địa chỉ trụ sở: Khóm 4, thị trấn Đ D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Ngô Th H và bà Trần Mỹ Th thống nhất trình bày:*** Năm 2006 bà Trần Mỹ Th và ông Ngô Th H cho ông Trần Th L và anh Trần Hoàng D là cha và em ruột bà Th mượn 1,4 lượng vàng 24k và 61.000.000 đồng. Đến ngày 16/11/2014 anh D có nhờ

ông, bà đứng tên để vay vốn dùm, ông bà đồng ý và đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ngô Th H để thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ D (Agribank Đ D) để thế chấp vay dùm cho ông L, anh D số tiền 50.000.000 đồng. Hiện tại ông H, bà Th đã Th toán nợ cho Ngân hàng xong.

Sau đó có yêu cầu tổ hòa giải áp Tân Thành tiến hành hòa giải ngày 13/10/2018 ông L thừa nhận có thiếu ông H, bà Th 1,1 lượng vàng 24k và 49.000.000 đồng, anh D thừa nhận có nhờ ông H vay vốn dùm tại Agribank Đ D số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất đến thời điểm hòa giải là 14.000.000 đồng tổng tiền vốn, lãi là 64.000.000 đồng đồng thời ông L hứa vào tháng 02/2019 sẽ trả dứt điểm nợ, anh D hứa đến ngày 16/11/2019 sẽ trả dứt điểm nợ, sau đó anh D có trả cho tôi 14.000.000 đồng tiền lãi và cho đến nay thì ông L, anh D không thực hiện trả nợ cho chúng tôi như đã hứa. Nay ông Ngô Th H và bà Trần Mỹ Th yêu cầu ông Trần Th L và anh Trần Hoàng D trả 1,1 lượng vàng 24k và 49.000.000 đồng, yêu cầu anh D trả 66.350.000 đồng (trong đó tiền vay ngân hàng 50.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến thời điểm khởi kiện là 16.350.000 đồng). Tại phiên tòa, ông H và bà Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu trả phần lãi anh D đã thừa nhận tại buổi hòa giải áp Tân Thành, ngoài ra không yêu cầu tính lãi suất tiếp.

Tại phiên tòa, ông H và bà Th xác định ông L và anh D pH cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông, bà vì số tiền này ông L, anh D sử dụng chung để cất nhà chung và đất đai của ông L cũng uỷ quyền và giao lại cho anh D đứng tên.

** Đối với ông Trần Th L và ông Trần Hoàng D:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L, anh D biết về yêu cầu khởi kiện của ông H và bà Th nhưng ông L, ông D không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

** Quá trình giải quyết NHNN V PTNT – chi nhánh Đ D trình bày:* Ngày 30/5/2013, ông H có vay số tiền 30.000.000 đồng và đã tắt toán món vay vào ngày 18/9/2014, lãi suất 1.754.166 đồng, tính đến thời điểm hiện tại ông H không còn dư nợ tại Agribank Đ D. Đối với bà Trần Mỹ Th không có giao dịch tại Agribank Đ D. Vì điều kiện công việc Agribank Đ D xin từ chối tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án đến khi kết thúc phiên tòa ở cấp sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Th H và bà Trần Mỹ Th. Buộc ông Trần Th L và anh Trần Hoàng D trả cho ông H, bà Th số

tiền 49.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24k, buộc anh D trả cho ông H, bà Th 64.000.000 đồng, trong đó có vốn 50.000.000 đồng và lãi suất 14.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm ông L, anh D pH chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] NHNN V PTNT chi nhánh Đ D có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trần Th L và anh Trần Hoàng D đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông H, bà Th khởi kiện yêu cầu ông L, anh D trả lại số vàng, tiền cho mượn và tiền vay Ngân hàng dùm. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1.] Tại biên bản hòa giải ở trụ sở ấp Tân Thành vào ngày 13/10/2018 (BL 01, 02) thể hiện nội dung ông L thừa nhận nợ ông H, bà Th số vàng 11 chỉ vàng 24k và số tiền 49.000.000 đồng, anh D thừa nhận nợ số tiền 64.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng tiền vốn nhờ ông H vay Ngân hàng dùm và 14.000.000 đồng là tiền lãi suất. Ông L hứa hẹn đến ngày 30/02/2019a1 sẽ trả dứt điểm khoản nợ, đối với anh D hứa hẹn trả dứt điểm số tiền lãi 14.000.000 đồng vào ngày 8 đến ngày 10/9/2018a1, số tiền vốn sẽ trả dứt điểm vào ngày 16/11/2019a1. Đây đây là tình hình sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông L và anh D không thực hiện đúng cam kết Th toán nợ, mặc dù đến hạn cam kết ông H, bà Th có nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng ông L, anh D lại liên tục hứa hẹn mà không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ Th toán nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L, anh D nhưng vẫn không có ý kiến hay yêu cầu gì. Tại phiếu xác minh ngày 12/8/2022, Công an xã Nguyễn Huân xác minh ông Trần Th L và anh Trần Hoàng D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Thành, xã Nguyễn Huân, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau nhưng đã rời địa phương từ tháng 5/2020 đến nay không rõ đi đâu. Việc ông L, anh D cam kết trả nợ cho ông H, bà Th nhưng không thực hiện mà rời địa phương không thông báo về nơi cư trú mới là cố tình giấu địa chỉ cũng như trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

[3.2.] Về lãi suất số tiền 50.000.000 đồng: Tại biên bản hòa giải ấp Tân Thành, anh D cũng thống nhất và đồng ý trả số tiền lãi là 14.000.000 đồng nên cần chấp nhận buộc anh D trả cho ông H, bà Th là phù hợp. Đối với số tiền lãi phát sinh 2.350.000 đồng tính đến thời điểm khởi kiện, tại phiên tòa ông H và bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu, xét đây là sự tự nguyện của đương sự, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu đúng quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Phần lãi

phát sinh từ khởi kiện đến khi xét xử ông H, bà Th không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[3.3.] Xét về trách nhiệm trả nợ thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H và bà Th đều yêu cầu ông L, anh D cùng nhau có trách nhiệm trả khoản nợ 49.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24k vì cho rằng ông L khi hỏi mượn có nói rằng mục đích mượn là để xây cất nhà chung của ông L và anh D, anh D cũng là người trực tiếp đến gặp ông, bà lấy số tiền mượn và số vàng, đồng thời toàn bộ tài sản của ông L đã ủy quyền cho anh D quản lý sử dụng. Ông L, anh D không phản đối vấn đề này của ông H, bà Th đặt ra, chứng tỏ ông L và anh D vay mượn tiền vàng vào mục đích chung của cả hai, đây là tình hình sự kiện không pH chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu này của ông H, bà Th có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông L và anh D có trách nhiệm trả cho ông H và bà Th 11 chỉ vàng 24k và 49.000.000 đồng, buộc anh D có trách nhiệm trả cho ông H và bà Th 64.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Mặc dù ông L thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng theo quy định pháp luật, ông L phải có hồ sơ xin xét miễn án phí thì mới đủ điều kiện xét miễn. Do đó, ông L pH và anh D chịu án phí số tiền 5.255.000 đồng (giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.100.000 đồng/chỉ x 11 chỉ = 56.100.000 đồng + 49.000.000 đồng = 105.100.000 đồng x 5%), anh D phải chịu số tiền 3.200.000 đồng (64.000.000 đồng x 5%);

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Th H và bà Trần Mỹ Th.

1.1. Buộc ông Trần Th L và anh Trần Hoàng D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Ngô Th H và bà Trần Mỹ Th số tiền 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) và 11 (mười một) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn ka ra).

1.2. Buộc anh Trần Hoàng D có trách nhiệm trả cho ông Ngô Th H và bà Trần Mỹ Th số tiền 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Ngô Th H và bà Trần Mỹ Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H và bà Th số tiền 4.396.000 đồng nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0012377 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

2.2. Ông Trần Th L và anh Trần Hoàng D phải có trách nhiệm liên đới chịu 5.255.000 đồng đồng (năm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

2.3. Ông Trần Hoàng D phải chịu 3.200.000 đồng đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

